fēng gǒu

疯狗

noun · mad dog; rabid dog

Example Sentences

Xiǎo xīn nà tiáo fēng gǒu tā huì yǎo rén
小心那条疯狗，它会咬人。

Be careful of that mad dog; it bites.

Cūn lǐ de rén dǎ sǐ le yī zhī fēng gǒu
村里的人打死了一只疯狗。

The villagers killed a rabid dog.

Trace each character, then write the word on your own.

疯 疯 疯 疯 疯 疯 疯 疯 疯 疯 疯

疯

狗 狗 狗 狗 狗 狗 狗 狗 狗 狗 狗